

MỘT VÀI KHÍA CẠNH VĂN HIẾN, VĂN MINH, VĂN VẬT, VĂN HÓA VÀ GÓC NHÌN ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI

Nguyễn Cảnh Toàn

Nhận bài: 20/07/2021; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 25/07/2021; Chấp nhận đăng: 29/10/2021

©2022 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Người Việt Nam di cư ra nước ngoài có thể vì nhiều nguyên nhân khác nhau song luôn thấm đẫm văn hiến, văn hoá Việt. Ở họ, thân hải ngoại nhưng tâm can luôn hướng về nơi chôn nhau cắt rốn cội nguồn. Các giá trị của văn hiến, văn hoá Việt đã đi vào con tim, khối óc của họ và họ đã có nhiều đóng góp cho quê hương đất nước. Các khái niệm văn hiến, văn minh, văn vật và văn hóa có sự giao thoa và chúng có mối quan hệ biện chứng mật thiết, tác động tương hỗ lẫn nhau để rồi văn hiến, cái được kết tinh tác động đến văn minh, văn hóa nâng lên một tầm cao mới. Lịch sử cứ thế mà phát triển để cuối cùng xây nên văn hiến của một dân tộc, tạo nên hiền tài là nguyên khí quốc gia.

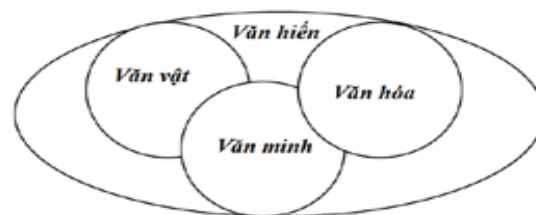
Từ khóa: Văn hiến; văn vật; văn minh; văn hóa; người Việt ở nước ngoài.

1. Mối quan hệ biện chứng và tác động tương hỗ giữa văn hiến, văn vật, văn minh, văn hóa

Lâu nay, không ít người vẫn sử dụng từ văn minh (civilization, цивилизация, gốc La tinh là "civitas", nghĩa cổ là "đô thị"), hàm ý một giai đoạn con người đã thoát khỏi tình trạng cư trú tự nhiên sang cư trú có bố trí quy hoạch, mang nhiều yếu tố nhân tạo. Văn minh (civilization, цивилизация), đôi khi được sử dụng như một từ đồng nghĩa với văn hóa, văn hiến, văn vật. Thực ra đây là các khái niệm rất khác nhau, mặc dù trên thực tế nó pha trộn nhau, tác động tương hỗ lẫn nhau. Trong các từ điển, "văn minh" có thể được định nghĩa theo nhiều cách, song chúng thường có một nét nghĩa chung là "trình độ phát triển". Văn minh, văn hóa, văn vật, văn hiến luôn có bề dày của quá khứ (tính lịch sử) và chúng mang tính chất giao thoa, tác động biện chứng tương hỗ lẫn nhau. Văn minh là sự kết tinh trong sự giao thoa đó, cho biết trình độ phát triển của văn hóa ở từng giai đoạn. Nói đến văn minh, ngày nay người ta còn nghĩ đến các tiện nghi (comforts; conveniences comfort/удобс-

тво комф-орта; хорошо обставленный домаш-ний комфорт).

Như vậy, văn hóa và văn minh còn khác nhau ở tính giá trị và giá trị sử dụng. Sự khác biệt của văn hóa và văn minh còn ở khía cạnh về giá trị tinh thần, ý thức và tính lịch sử dẫn đến sự khác biệt về phạm vi tác động. Vì vậy văn hóa Việt mang tính đậm đà bản sắc dân tộc, còn văn minh Việt là sự kết tinh của giao thoa (Hình 1), đóng góp một phần vào nền văn minh thế giới.



Hình 1. Sự giao thoa và tác động tương hỗ giữa văn hiến, văn minh, văn vật, văn hóa
(Nguồn: Tác giả đề xuất)

Một sự khác biệt nữa về văn hiến và văn minh, đó là văn hiến thường gắn bó nhiều hơn với phương Đông nông nghiệp, còn văn minh là khái niệm thường gắn bó nhiều hơn với phương

Tây đô thị, nơi có trình độ phát triển hơn là các vùng nông nghiệp lạc hậu. Văn minh là trạng thái tiến bộ về cả hai mặt vật chất và tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa. Trái với văn minh là dã man [6]. Nền văn minh là Hy-La (Hy Lạp và La Mã) - nền tảng vững chắc của văn minh phương Tây cũng có nguồn gốc từ Phương Đông; nó được hình thành trên cơ sở tiếp thu những thành tựu của các nền văn hóa Ai Cập và Lưỡng Hà. Các nền văn hóa phương Đông đều hình thành từ lưu vực các con sông lớn có địa hình và khí hậu rất thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp. Trong ngôn ngữ phương Tây, từ “văn hóa” bắt nguồn từ chữ *cultus* tiếng Latinh có nghĩa là “trồng trọt”, còn từ “văn minh” thì bắt nguồn từ chữ *civitas* có nghĩa là “thành phố” [6]. Do vậy khái niệm văn minh chỉ khía cạnh vật chất, kỹ thuật, là những thành tựu đã đạt được khi văn hóa phát triển đến một mức độ nhất định của một không gian xã hội nhất định. Ví dụ: văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Địa Trung Hải, văn minh Hoa-Hạ, văn minh trống đồng Việt Nam.

Ở Việt Nam còn có các khái niệm văn hiến và văn vật. “Văn hiến” là khái niệm trước nay hay được sử dụng trong nhiều công trình nghiên cứu, nhất là nghiên cứu về lịch sử văn hóa Việt Nam thời Trung đại*. Từ điển thường định nghĩa văn hiến là “truyền thống văn hóa lâu đời”, còn văn vật là “truyền thống văn hóa biểu hiện ở nhiều nhân tài và di tích lịch sử” [7]. Các định nghĩa này cho thấy văn hiến và văn vật chỉ là những khái niệm bộ phận của “văn hóa”; chúng khác văn hóa ở độ bao quát các giá trị. Văn hiến là văn hóa thiên về “truyền thống lâu đời”, mà truyền thống lâu đời còn lưu giữ được chính là các giá trị tinh thần; còn văn vật là văn

hóa thiên về các giá trị vật chất cụ thể (nhân tài, di tích, hiện vật). Nếu như văn vật thiên về giá trị vật chất, có bề dày lịch sử mang tính dân tộc, gắn bó nhiều hơn với phương Đông nông nghiệp, thì văn minh thiên về giá trị vật chất, kỹ thuật, chỉ trình độ phát triển mang tính quốc tế. Thời cận hiện đại người ta hay sử dụng thuật ngữ này gắn bó nhiều hơn với phương Tây đô thị, song thực ra nó có cội nguồn từ nền văn minh Ai Cập, La Mã, Ấn Độ và Trung Quốc cổ đại. Văn hóa chứa cả giá trị vật chất lẫn tinh thần, trong khi văn hiến thiên về giá trị tinh thần. Từ *văn hiến* vốn đã xuất hiện từ lâu, nhưng vì nhiều lý do, *văn hiến* dần dần được hiểu gần gũi với *văn hóa*.†

Chính vì vậy mà ông cha ta thường nói Việt Nam có 4000 năm văn hiến, nhưng lại nói Hà Nội - Thăng Long ngàn năm văn vật. Phương Tây không có các khái niệm văn hiến, văn vật. Cho nên hai từ này khó dịch chính xác, giữ được nguyên nghĩa ra các ngôn ngữ phương Tây.

2. Văn hiến tạo nên hiền tài và ngược trở lại hiền tài tạo nên nguyên khí quốc gia, làm rạng danh dân tộc Việt

Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, ở bất cứ thời đại nào, dù ít dù nhiều dân tộc ta đều xuất hiện các bậc hiền tài. Đó có thể là những vị vua anh minh, các quan lại công minh chính trực, các danh sĩ vừa có tài vừa có đức. Tất cả đều có chung một khát vọng: tận trung với nước, tận hiếu với dân, kiên quyết giữ vững bờ cõi thiêng liêng của đất nước. Đó là những người có đủ sức mạnh vượt lên tất cả để gìn giữ bờ cõi, hiến dâng cho Tổ quốc, cho non sông gấm vóc mãi trường tồn. Lê Lợi từng nói rằng: “Ta cất quân đánh giặc, không phải là có lòng ham muốn phú quý, mà chính vì muốn để

* Trần Trọng Dương, Nghĩa từ nguyên của từ “văn hiến” qua bối cảnh tri thức nho giáo Việt Nam - Trung Hoa, <http://dlib.huc.edu.vn/bitstream/123456789/59/1/Ngh%C4%A9a%20t%E1%BB%A B%20nguy%C3%AA%20c%E1%BB%A7a%20t%E1%BB%AB%20v%C4%83n%20hi>

<http://dlib.huc.edu.vn/bitstream/123456789/59/1/Ngh%C4%A9a%20t%E1%BB%A B%20nguy%C3%AA%20c%E1%BB%A7a%20t%E1%BB%AB%20v%C4%83n%20hi>

† Quỹ Văn hiến Việt Nam, Hiền tài là nguyên khí quốc gia, <https://quyvanhien.vn/>

ngàn năm về sau, người đời biết ta không chịu làm tôi tớ cho bọn giặc tàn ngược...” Ông tự xưng là Bình Định Vương, đặt quan chức và liêu thuộc, phát hịch các nơi xa gần cùng tham gia khởi nghĩa, giành lấy chính quyền Đại Việt^{*}. Sau khi lên ngôi, “vua đã ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu thập sách vở, mở mang trường học”...†

Trong lịch sử, Trần Thái Tông cũng là ông vua coi trọng chính sách chiêu hiền đãi sĩ, mong tìm được người hiền tài giúp dân giúp nước. Khi hạ lệnh cho các lộ tiến cử người hiền tài để cất nhắc sử dụng, ông đã nói rằng: “Ta không có tài dũng, trí tuệ, một mình gánh vác công việc nặng nề, sẽ không làm nổi, cho nên phải nhún mình cầu hiền, dốc lòng trọng sĩ, cùng mưu việc lớn, cứu vớt sinh dân. Ai tiến cử được người tài mưu trí dũng lược hơn người, hoặc người nào tự tiến cử mình thì đều làm quan cao chức trọng”‡.

Trong tư tưởng của nhân loại, khái niệm “Văn hiến” đã được đặt ra từ rất sớm. Ở nước ta, vào năm 1428, vị anh hùng dân tộc, danh nhân thế giới Nguyễn Trãi đã khẳng định rằng nước Việt Nam ta là một nước văn hiến:

“Nhu nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Nước non bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác;
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây
nền độc lập;
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi
bên hùng cứ một phương;

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có”.

Bằng cách đó, ông khẳng định rằng, nền văn hiến là cốt lõi của dân tộc, là cơ sở của văn hóa và con người Việt Nam.

Trải qua hàng nghìn năm, văn hiến đã tạo ra nền văn minh Việt Nam sánh ngang với các nền văn minh khác của thế giới với những bản sắc riêng và được coi là một nền văn minh quan trọng của nhân loại với những đóng góp tích cực vào nền văn minh chung của nhân loại. Vào thế kỉ XVIII, nhà bác học Lê Quý Đôn cũng đã khẳng định “Ngã quốc hiệu vị văn hiến” tức là ***nước ta là một nước văn hiến***. Ông yêu cầu các thế hệ người Việt Nam phải gắng sức mà gìn giữ và phát triển nền văn hiến ấy. Trong bài văn bia ghi danh tiến sĩ đỗ năm Quang Thuận thứ 4 (1463), cha ông ta đã căn dặn: “Kẻ sĩ may mắn được ghi tên trên bia đá này, phải làm cho danh đúng với thực, rèn luyện phẩm hạnh, ***gắng sức giữ lấy cái tâm đối với nền văn hiến***” vì “kẻ sĩ” là những người có trách nhiệm trước tiên để giữ gìn nền văn hiến của dân tộc [5].

Thế kỉ XIX, nhà sử học Phan Huy Chú trong bộ sách “Lịch triều hiến chương loại chí” - (chữ Hán: 歷朝憲章類誌) là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam. Có nghĩa là Phép tắc các triều đại chép theo thể phân loại trong 10 năm (1809-1819), cũng khẳng định rằng nước ta là “*Có nền văn hiến đứng đầu trung châu, điển chương rạng cả triều đại*”. Chính nền văn hiến ấy đã là cơ sở để hình thành và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa và con người Việt Nam, giúp chúng ta chiến

* Nhân Dân điện tử, Tòa rạng hào khí rồng bay, Kỷ niệm 1010 năm Thăng Long – Hà Nội, <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/toa-rang-hao-khi-rong-bay-619854/>; Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Nhà Xuất bản Giáo dục Hà Nội, 1998, bản điện tử, trang 348.

† Trần Văn Bính, (2020), Phát huy truyền thống văn hiến của dân tộc, <https://www.tuyengiao.vn/van-hoa-xa->

hoi/van-hoa/phat-huy-truyen-thong-van-hien-cua-dan-toc-127510; Đại Việt sử ký toàn thư, T.II, Nxb. Khoa học xã hội, 2004, tr. 256, 257, 254.

‡ Nguyễn Thu Hoài, (2020), Chiếu cầu hiền và khát vọng nhân tài của các bậc minh quân, Trung tâm Lưu trữ quốc gia, <http://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/chieu-cau-hien-va-khat-vong-nhan-tai-cua-cac-bac-minh-quan.htm>,

thắng mọi kẻ thù xâm lược và dân tộc ta trường tồn.

Tuy nhiên, trong thực tế thật khó phân biệt rạch ròi ba khái niệm trên bởi vì chúng hòa quyện với nhau làm thành một tầm vóc chung của một dân tộc, đất nước, nhân loại. Khi các nhà tư tưởng lớn của Việt Nam nói về một “nền văn hiến” thì không chỉ có ý nói về “giá trị tinh thần” (mặc dù là chủ yếu và là thuộc tính thứ hai), mà còn hàm chứa những giá trị văn vật, văn hóa (mặc dù là chủ yếu mang giá trị vật chất – thuộc tính thứ nhất). Trên tấm bia Tiến sĩ tại Văn Miếu Quốc Tử Giám ghi lại lịch sử khoa thi năm 1442 có khắc ghi những dòng chữ: “... Hiên tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần thiết...”. Người soạn ra những câu nổi tiếng đó là Tiến sĩ triều Lê, Thân Nhân Trung (1419 – 1499). Nguyễn Trãi (1380 – 1442) cũng đã nhắc lại câu nói “**Hiên tài là nguyên khí của quốc gia**” nghĩa là chính con người làm nên nền văn hóa của một đất nước, một thời đại. Giải thích về ý nghĩa sâu rộng và tầm quan trọng của văn hiến, Nguyễn Trãi cũng đã khẳng định rằng để quản lý đất nước thì điều quan trọng nhất là phải dùng “Văn trị”, tức là lấy văn hiến, văn hóa mà quản lý đất nước (Quan duyệt thủy trận - 觀閱水陣, Nguyễn Trãi - 阮鷹, **Văn trị chung tu chí thái bình**). Tư tưởng này của Nguyễn Trãi rất độc đáo, khác với tư tưởng trị nước của Trung Hoa thời đó **đang** sử dụng là *hệ thống tư tưởng Nho, Pháp, Mặc, Đạo*. Văn trị của Nguyễn Trãi chính là sự bổ sung đầy đủ nhất cho những tri thức về quản lý đất nước trong đó lấy tri thức, học vấn và sự thông thái của con người làm nền tảng chung. Văn trị, đến nay vẫn còn nguyên giá trị với xu hướng quản lý phát triển hiện đại của nền kinh tế tri thức.

Trong lịch sử đấu tranh giữ nước và dựng nước, chiến thắng giặc ngoại xâm, nền văn hiến Việt có ảnh hưởng sâu sắc đến cơ cấu làng xã. Làng xã là một đơn vị tụ cư truyền thống của người nông dân Việt ở nông thôn, có địa vực, cơ sở hạ tầng, cơ cấu tổ chức, phong tục, tập quán, tâm lý, quan niệm, tính cách và cả “hương âm”, “thổ ngữ” tức “giọng làng” riêng, hoàn chỉnh và tương đối ổn định trong quá trình lịch sử. Đặc biệt, để duy trì trật tự, nền nếp, mỗi làng đều có hương ước, được coi như bộ luật của làng.

Hương ước là lệ làng được văn bản hóa, quy định chặt chẽ về cơ cấu tổ chức; yêu cầu công khai, minh bạch về bình bầu, bãi miễn các chức vị trong làng; phân bổ thuế, phân chia ruộng đất công; về tuần phòng; về lễ nghi, tín ngưỡng; về lệ hôn thú, tang ma; về tương trợ, cứu tế; về khai sinh, khai tử, học hành và xử phạt vi phạm... Có thể nói mọi quan hệ trong làng xã đều được quy định trong hương ước. Hương ước do chính dân làng soạn thảo, nên rất phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương; hằng năm hương ước đều được tuyên đọc một lần tại đình làng, để ai cũng nhớ, cũng thuộc và những điều khoản không còn phù hợp cũng thường được sửa đổi.

Đặc điểm của làng xã cổ truyền là tự trị, tự quản. Nhà nước chỉ can thiệp vào làng xã trong việc thu thuế, bắt lính; xử lý những vụ án hình sự, hay những vụ tranh chấp dân sự làng không hòa giải được; can thiệp khi có dịch bệnh lớn... còn lại thuộc quyền tự trị, tự quản của các làng xã.

Cơ cấu tổ chức làng xã xưa đơn giản nhưng chặt chẽ, hệ thống tổ chức gồm Hội đồng hương chính và Lý trưởng do dân làng tự bầu, Nhà nước phê chuẩn, nếu vị chức sắc nào thực hiện trách nhiệm kém cỏi hay có sai phạm, dân làng sẽ bầu người khác thay thế. Do tính chất tự trị, tự quản cao như thế nên người ta đánh giá làng xã cổ truyền Việt Nam “như một nước cộng hòa thu nhỏ”, với những thiết chế chặt chẽ, những quy định bảo đảm “dân chủ làng xã” và cổ kết cộng

đồng rất cao nên giặc ngoại xâm không thể chiến thắng hoặc đồng hóa.

Điều đáng quan tâm nữa là nhìn chung dân trí trước đây còn thấp, đại đa số không biết chữ nhưng “ nếp sống văn hóa lại khá cao”, những người có chữ nghĩa trong làng rất được tin cậy và tôn trọng. Người có chữ nghĩa tham gia Hội đồng, được bầu làm chức dịch... Và cũng vì thế mà người dân rất hiếu học, mong con cháu được học hành, đỗ đạt thành tài. Những giá trị đó khiến làng xã xưa bình yên, vững vàng trước các yếu tố ngoại lai suốt quá trình dựng nước và giữ nước.

Văn hiến có tác động sâu sắc đến trí thức Việt sống ở nước ngoài. Họ sẵn sàng từ bỏ tất cả để trở về phụng sự Tổ quốc. Hoài Thanh - Hoài Chân trong công trình Thi nhân Việt Nam đã nhận định chưa bao giờ thi ca Việt Nam có những lời hùng tráng như trong các tác phẩm Giáo sư, Viện sĩ Phạm Huy Thông - nhà trí thức uyên bác, tài hoa “Hơi văn mà đến thế thực đã đến bậc phi thường. Anh hùng ca của Victor Hugo tưởng cũng chỉ thế. Giữa cái éo lá, cái ủy mị của những linh hồn đương chờ sa ngã, thơ Huy Thông đã ồ ạt đến như một luồng gió mạnh”. Dưới sự lãnh đạo của ông- nhà trí thức uyên bác và tài hoa trên nhiều lĩnh vực, từ thi ca đến luật học, sử học, khảo cổ học, Viện Khảo cổ học đã nghiên cứu thành công đề tài “Thời đại các **Vua Hùng** dựng nước”, “Khảo cổ học 10 kỉ sau công nguyên”, “Khảo cổ học với văn minh thời **Trần**”...góp phần làm cho **Việt Nam** trở thành một quốc gia có nền khảo cổ học mạnh tại **Đông Nam Á, làm rạng rỡ nền văn hiến Việt Nam**.

Văn hiến là chất gắn kết hữu cơ giữa các trí thức trên mọi lĩnh vực, gắn kết chặt chẽ giữa chuyên môn với tư tưởng và đạo đức cách mạng. Sự gắn kết đó sẽ tạo ra những bậc hiền tài ở thời đại chúng ta. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà trong Chính phủ lâm thời của Hồ Chí Minh sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 lại bao

gồm các chiến sĩ cách mạng lỗi lạc bên cạnh các nhân sĩ trí thức uyên bác và được toàn dân kính trọng như cụ Bùi Bằng Đoàn (1889-1955), các giáo sư Nguyễn Văn Huyền (1905-1975), Tạ Quang Bửu (1910-1986), Phan Anh (1889-1955), Phạm Huy Thông (1889-1955), Nguyễn Khánh Toàn (1889-1955), Trần Đại Nghĩa (1913-1997), Lương Định Của (1920-1975) v.v...

Xây dựng và phát triển nền văn hiến Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh có nghĩa là xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam dân tộc, hiện đại; là học tập, phát huy những phẩm chất trong sáng đẹp đẽ của những bậc hiền tài trong lịch sử, để trên cơ sở đó tạo điều kiện cho sự xuất hiện ngày càng nhiều các bậc hiền tài ở thời đại chúng ta.*

3. Văn hiến tác động đến người Việt Nam ở nước ngoài

Hơn một nghìn năm Bắc thuộc và chiến tranh liên miên, liên tục chống trả kẻ ngoại bang mạnh nhất thế giới ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn, dân tộc Việt Nam vẫn trường tồn và phát triển đi lên đến ngày nay.

Vậy, dân tộc Việt lấy sức mạnh ở đâu? Cội nguồn của nó là gì mà dân tộc ấy trường tồn và phát triển? Đó là nền văn hiến. Nền văn hiến Việt thông qua mô hình làng xã, đơn vị hành chính chiến lược và là yếu tố cốt lõi. Thật vậy, mô hình làng xã thể hiện đậm nét nền văn hiến Việt Nam; nó có vị trí và vai trò rất quan trọng, là sức mạnh của một dân tộc để bảo tồn và phát triển những giá trị truyền thống trước sức mạnh của ngoại xâm và kiến tạo đất nước.

Như ở mục 2 đã đề cập, chắc chắn Văn hiến Việt đã tác động sâu sắc trong tâm khảm và trái tim của các bậc cổ nhân trong lịch sử Việt Nam cận hiện đại, Các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Bùi Bằng Đoàn, những nhà trí thức uyên bác, tài hoa như giáo sư, viện sĩ Phạm Huy Thông, các giáo

* Trần Văn Hiến, Phát huy truyền thống văn hiến của dân tộc, [http://tuyengiao.vn/van-](http://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/phan-huy-truyen-thong-van-hien-cua-dan-toc-127510)

[hoa-xa-hoi/van-hoa/phan-huy-truyen-thong-van-hien-cua-dan-toc-127510](http://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/phan-huy-truyen-thong-van-hien-cua-dan-toc-127510).

sư, luật sư Nguyễn Văn Huyền, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Nguyễn Khánh Toàn, Trần Đại Nghĩa, Lương Định Của, v.v...Nhiều người trong số họ từ bỏ vinh hoa phú quý ở nước ngoài đã trở về phụng sự Tổ quốc đang kháng chiến, được lịch sử Việt Nam ghi nhận công trạng và họ nhận được sự kính trọng, biết ơn của nhân dân Việt Nam. Điều này chỉ có thể được giải thích bởi lòng yêu nước và nền văn hiến Việt đã tác động rất lớn đến suy nghĩ và hành động của họ.

Hiện nay trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng, giữ gìn bản sắc dân tộc và văn hiến đang là một nguyên tắc giữ nước "hội nhập mà không hòa tan" của cộng đồng người Việt ở nước ngoài hiện nay.*

Khái quát lịch sử di cư của người Việt Nam có 5 luồng di cư chính. Luồng di cư thứ nhất từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XIX; luồng di cư thứ hai từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX; luồng di cư thứ ba sau ngày 30-4-1975 và là luồng di cư lớn nhất tạo nên sự thay đổi sâu sắc về số lượng, thành phần, tính chất, địa bàn sinh sống của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; luồng di cư thứ tư từ năm 1980 đến 1991 với những người Việt Nam đến các nước xã hội chủ nghĩa theo diện học tập, lao động và một số người ở lại; luồng di cư thứ năm từ năm 1992 đến năm 2020, người Việt Nam đi lao động, học tập các nước trên thế giới [9], [10].

Theo số liệu của Tổ chức Di cư quốc tế (The International Organization for Migration - IOM), Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia di cư ra nước ngoài nhiều nhất. Phần lớn người Việt Nam di cư sang những nước phát triển trên thế giới. Cũng theo IMO, từ năm 1990 đến năm 2015 có 2,558,678 người Việt Nam di cư ra nước ngoài. Như vậy tính trung bình trong 26

năm. mỗi năm có khoảng gần 100,000 người Việt di cư ra nước ngoài.

4. Yếu tố văn hiến Việt đã tác động đến cộng đồng người Việt ở nước ngoài hướng về cội nguồn

Đầu thế kỉ XIII, triều Lý trải qua những biến cố lịch sử với nhiều biến động lớn [4]. Để tránh sự truy sát của nhà Trần, Lý Long Tường cùng khoảng 6.000 gia nhân cùng tôn thất nhà Lý quyết định vượt biển ra nước ngoài, tới Trấn Sơn - Bồn Tân - Hoàng Hải thuộc bờ biển phía tây Cao Ly.† Thế kỉ XVII người Việt Nam sang làm ăn tại Campuchia. Thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX do chiến tranh, biến đổi khí hậu, người Việt đi tị nạn hoặc tìm hiểu cơ hội làm ăn tại Campuchia, Lào, Thái Lan, Trung Quốc, kể cả Châu Âu cách Việt Nam rất xa. Đầu thế kỉ XX, một nhóm người Việt đi tu nghiệp, du học ở nước ngoài, làm công chức tại Pháp hoặc bị động viên đi lính ra ngoài mặt trận thuộc Pháp, làm công nhân tại một số thuộc địa của Pháp ở châu Phi. Do Thế chiến I (1914-1918) và Thế chiến II (1937-1945), đội quân di cư của Việt Nam đã bổ sung thêm một số người ra đi lánh nạn, kiếm sống hoặc những phụ nữ lấy chồng người Pháp đã theo chồng hồi hương... [3]. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, có sự thay đổi sâu sắc về số lượng, thành phần, tính chất cũng như địa bàn sinh sống của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN). Chương trình ra đi theo trật tự (Orderly Departure Program, ODP) được bắt đầu từ năm 1979, dưới sự hỗ trợ của Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn, cho phép người Việt Nam tị nạn nhập cảnh vào Mỹ. Trong giai đoạn 1980-2008, đã có trên 2 triệu người Việt di cư ra nước ngoài, chủ yếu tới Mỹ, Australia, Canada, Nhật Bản, các nước Tây và Tây Bắc Âu... [1] Từ 1950

* Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

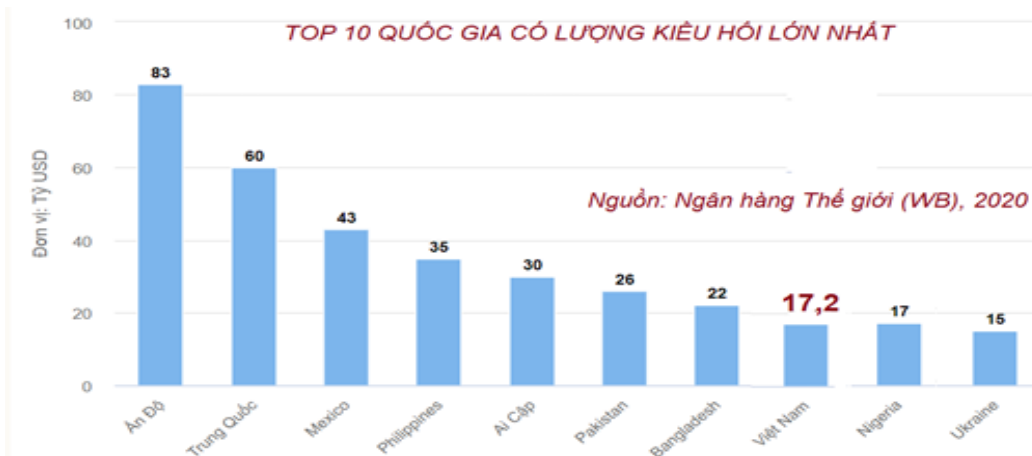
† Các hậu duệ của Lý Long Tường đã làm nên trang sử vẻ vang tại đất Hàn. Phim tư liệu của Đài truyền hình quốc gia KBS thực hiện về dòng họ Lý gốc Việt tại Hàn Quốc (phát sóng

cuối năm 1995), <https://www.adcentral.vn/Tin-tuc/Tong-thong-%C4%91au-tien-cua-Han-Quoc-Ly-Thua-Van-co-to.aspx>; Phan Hiến, Thêm một chi thuộc dòng họ Lý ở Hàn Quốc tìm về Việt Nam, <http://www.cand.com.vn/vi-vn/anninhtrattu/dieutra/2007/8/111561.cand>.

- 2010 cũng đã có hàng chục vạn sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh và lao động Việt Nam được Chính phủ Việt Nam gửi tới Liên Xô, các nước ở Đông Âu học tập và làm việc. Một số khác tự mình đến các nước cũ ở lại làm ăn. Trong số đó, phần lớn họ đã trở về Việt Nam [8].

Đến năm 2020, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) ngày càng lớn mạnh và gắn bó với quê hương, đất nước.* Theo thống kê chưa đầy đủ, từ 4,5 triệu người Việt Nam ở 109 quốc gia và

vùng lãnh thổ năm 2015, đến năm 2020 cộng đồng NVNONN có khoảng 5,3 triệu người sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ (tăng 18% trong vòng 5 năm).† Theo ước tính, có khoảng 500 ngàn chuyên gia, trí thức NVNONN, chiếm tỷ lệ 10% trong cộng đồng NVNONN. Một thế hệ trí thức mới người gốc Việt trẻ và tài năng đang hình thành và phát triển, tập trung ở nhiều lĩnh vực mũi nhọn như tin học, viễn thông, điện tử, vật liệu mới, chế tạo máy, sinh học.



Hình 2: Top 10 quốc gia có lượng kiều hối lớn nhất thế giới

Các hội đoàn NVNONN tiếp tục được củng cố và phát triển, góp phần tăng cường đoàn kết trong cộng đồng, gìn giữ và lan tỏa bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc, thực sự là cầu nối hữu nghị giữa Việt Nam với các nước. Nhiều cơ sở tôn giáo của NVNONN được thành lập trong những năm qua và đã duy trì đều đặn các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tâm linh. Phong trào dạy và học tiếng Việt của NVNONN ngày càng phát triển mạnh; một số chính quyền sở tại đã cho phép

đưa tiếng Việt vào giảng dạy như một ngoại ngữ tại nhiều bậc học. Cộng đồng NVNONN ngày càng gắn bó với quê hương, đã và đang trở thành một trong những nguồn lực quan trọng đóng góp cho quá trình xây dựng, bảo vệ, phát triển, hội nhập quốc tế của đất nước và duy trì, củng cố mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa Việt Nam và các nước.‡ Trong 5 năm gần đây, tổng kiều hối đạt hơn 71 tỷ USD (tăng trưởng trung bình 6%/năm), góp phần cải thiện cán cân

* Trang Web “Người Việt ở nước ngoài”, Bản quyền thuộc về VietnamPlus, TTXVN, <http://vietkieu.vietnamplus.vn/>

† Nhân Dân điện tử, Phát huy tiềm năng của người Việt Nam ở nước ngoài, <https://nhandan.vn/binh-luan-phephan/phot-huy-tiem-nang-cua-nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai--626905/>

‡ Cộng đồng kiều bào Việt ngày càng lớn mạnh và gắn bó với quê hương, đất nước.

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về NVNONN Đặng Minh Khôi đánh giá kết quả 5 năm thực hiện chỉ thị về tăng cường công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. <https://toquoc.vn/cong-dong-kieu-bao-viet-ngay-cang-lon-manh-va-gan-bo-voi-que-huong-dat-nuoc-20201124142524508.htm>

thanh toán, tăng dự trữ ngoại hối nhà nước.

Tính đến tháng 10/2020, kiều bào từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ đã có 362 dự án FDI đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký 1,6 tỷ USD. Nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn, mang tầm cỡ khu vực do những doanh nhân NVNONN về nước thành lập, điều hành đã góp phần tạo công ăn việc làm, chuyển giao công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội.* Nhiều trí thức Việt kiều đã làm cầu nối giúp đất nước tiếp thu công nghệ tiên tiến, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hóa. Trong đó nhiều người đạt được vị trí quan trọng trong các viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện, công ty kinh doanh và các tổ chức quốc tế [2].

5. Kết luận

Các khái niệm văn hiến, văn minh, văn vật và văn hóa có mối quan hệ biện chứng mật thiết, tác động và bổ trợ lẫn nhau để rời văn hiến, cái bao trùm, tác động đến văn minh, văn hóa nâng lên một tầm cao mới. Lịch sử cứ thế mà phát triển để cuối cùng đọng lại, kết tinh lại xây nên văn hiến của một dân tộc.

Văn hiến tạo nên những giá trị cốt lõi và chính những giá trị cốt lõi ấy tạo nên hiền tài. Ngược trở lại, hiền tài tạo nên nguyên khí quốc gia, làm rạng danh dân tộc Việt có chung một nền văn hiến Việt, dù họ ở trong nước hay nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lâm Văn Bé, Phần 3. Tị nạn Việt Nam, trong Đại cương lịch sử Việt Nam (tập I), NXB Giáo Dục, (1997).
- [2] Trần Trọng Đăng Đoàn, Luận cứ khoa học cho việc đổi mới chính sách với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Đề tài cấp Nhà nước

KX.04.10, Phòng lưu trữ, Văn phòng Viện KHXH, (1995).

- [3] Daum, Pierre, Immigrés de force, Les travailleurs indochinois en France (1939-1952), (Những người bị cưỡng bức nhập cư – những người thợ Đông Dương tại Pháp 1939 – 1952), Nxb Actes Sud, (2009).
- [4] Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử ký Toàn thư, Quyển III và IV [1a], Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam dịch (1985 - 1992), NXB KHXH, (1993).
- [5] Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh: 238, (2005).
- [6] Vũ Dương Ninh (chủ biên), Lịch sử văn minh thế giới, bản tái bản lần thứ 12, NXB Giáo dục Việt Nam, (2010).
- [7] Hoàng Phê), Từ Điển Tiếng Việt, Nhà Xuất bản Từ điển Bách khoa Việt Nam, (1982).
- [8] Nguyễn Cảnh Toàn, Sergei, V. Ryazansev, Ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính tới quá trình di dân lao động nước ngoài tại Nga, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu 5: 34-46, (2010).
- [9] ИДВ РАН, Российско вьетнамские отношения: современность и история. Взгляд двух сторон, 416 с. ISBN 978 5 8381 0237 9, (2013).
- [10] Нгуен Кань Тоан, Вьетнамская община и интеграция вьетнамских мигрантов в Венгрии, Институт социально-политических исследований РАН, Миграционный мост между Центральной Азией и Россией в условиях экономического кризиса, Москва, Научно-аналитический сборник, С 489-478, (2010).

* Nhân Dân điện tử, Kiều hối chảy về tăng mạnh, <https://nhandan.vn/baothoinaykinhte/kiieu-hoi-chay-ve-tang-manh-648775/>